

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và bà Nguyễn Thị Trúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2016 về ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1974

2. *Bị đơn:* Anh Lê Sỹ L, sinh năm 1972

Cùng nơi cư trú: Xóm X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Chị và anh Lê Sỹ L tự nguyện tìm hiểu và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 10/12/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống ngay từ những thời gian đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do anh L không lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà đập phá đồ đạc, còn xúc phạm đến nhân phẩm danh dự của chị, ngoài ra còn cờ bạc đỏ đen. Do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay; Thời gian sống ly thân quá lâu làm

cho tình cảm của chị đối với anh L phai nhạt dần. Nay, chị xác định giữa vợ chồng anh chị không còn yêu thương, quý trọng nhau, không còn tình cảm với anh L, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Sỹ S, sinh ngày 10/7/1999. Hiện nay anh S đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên ở với ai là quyền của anh S. Chị T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Sỹ L: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Lê Sỹ L không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án và không chấp hành theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Xóm X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý vụ án số 151/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2016 về ly hôn, con chung và chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn khởi kiện của chị T. Ngày 28 tháng 9 năm 2016, Tòa án ban hành quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án do nguyên đơn yêu cầu. Ngày 18/02/2021, Tòa án nhận được Đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Cùng ngày, Tòa án ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ. Ngày 19/02/2021, chị Th nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, tài sản chung.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; còn nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Sỹ L tự nguyện tìm hiểu và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 10/12/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do anh L không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng to tiếng, xô sát. Tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị T xác định vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, không còn tình cảm với nhau nên chị mong muốn được ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có nguyện vọng gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có mặt trong các buổi hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn anh L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Sỹ S, sinh ngày 10/7/1999 là con chung của chị T và anh L đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên ở với ai do anh S quyết định.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2016 chị T đã yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh L. Tuy nhiên, ngày 19/02/2021 chị T đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Sỹ L.
2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Sỹ L có 01 con chung là anh Lê Sỹ S, sinh ngày 10/7/1999 đã trưởng thành, có quyền quyết định nơi ở.
3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về phần tài sản chung.
4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.950.000 đồng đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001227 ngày 18 tháng 5 năm 2016. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 3.650.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THA huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Cường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**